

Bản án số:02/2023/HS-ST

Ngày: 18-01- 2023.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Nông Thúy Chính.

*Các Hội thẩm nhân dân:* bà Nguyễn Thị Xuân.

ông Nguyễn Văn Lê.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2023/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2023 đối với:

\* *Bị cáo:* Trương Minh T, sinh ngày 15/01/1991, tại huyện V, tỉnh Quảng Ninh. Nơi thường trú: khu 8, thị trấn R, huyện V, tỉnh Quảng Ninh. Nơi ở hiện tại: thôn 5, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Huy M và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ là Bùi Thị Thùy T và 02 con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đầu thú ngày 16/11/2022, hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh đến ngày 18/01/2023, có mặt.

\* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (đều vắng mặt).*

+ Anh Bùi Văn T1, sinh năm: 1990.

Nơi cư trú: thôn 4, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.

+ Anh Phạm Văn K, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: thôn 4, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.

+ Anh Đào Bảo T2, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: thôn 2, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.

+ Anh Nguyễn Thành H, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: thôn 2, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.

+ Anh Mạc Đức Q, sinh năm 1988.  
Nơi cư trú: thôn 2, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.  
+ Anh Đỗ Văn H1, sinh năm 1995.  
Nơi cư trú: thôn 6, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.  
+ Anh Mạc Giang T3, sinh năm 1983.  
Nơi cư trú: thôn 1, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.  
+ Chị Mạc Thị T4, sinh năm 1985.  
Nơi cư trú: thôn 4, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.  
+ Anh Đỗ Văn H2, sinh năm 1983.  
Nơi cư trú: thôn 6, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.  
+ Anh Nguyễn Văn T5, sinh năm 1987.  
Nơi cư trú: thôn 2, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.  
+ Anh Mạc Văn L, sinh năm 1988.  
Nơi cư trú: thôn 2, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.  
+ Anh Triệu Văn H3, sinh năm 1983.  
Nơi cư trú: thôn 4, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.  
+ Anh Mạc Tuấn N, sinh năm 1982.  
Nơi cư trú: thôn 4, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.  
+ Chị Phạm Thị Hồng N1, sinh năm 1992.  
Nơi cư trú: thôn 2, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.  
+ Anh Nguyễn Tự H4, sinh năm 1981.  
Nơi cư trú: thôn 2, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.  
+ Anh Nguyễn Văn H5, sinh năm 1996.  
Nơi cư trú: thôn 2, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.  
+ Anh Bùi Hùng D, sinh năm 1982.  
Nơi cư trú: thôn 4, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.  
+ Anh Nguyễn Đình N2, sinh năm 1992.  
Nơi cư trú: bản M, xã S, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng tháng 03/2022, Trương Minh T nảy sinh ý định cho vay tiền tính lãi cao hơn lãi suất quy định của Ngân hàng nhà nước để thu lời. Khi khách có nhu cầu vay tiền, T đưa ra mức lãi suất, thời hạn trả tiền. Nếu người vay đồng ý thì T đưa đủ số tiền vay rồi thu lãi và gốc ở cuối kỳ vay. Do đều là người quen

cùng xã nên khi cho vay tiền, T không yêu cầu người vay cầm cố hay thế chấp tài sản, không ghi chép lại. Với phương thức như trên, từ tháng 3/2022 đến tháng 10/2022, tại nhà ở thuộc thôn 5, xã T, huyện H, Trương Minh T đã cho 18 người vay với các mức lãi suất 3.000 đồng, 4.000 đồng và 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, tương đương 109,5%, 146% và 182,5%/năm, gấp mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%) từ 5,475 lần đến 9,125 lần. Cụ thể như sau:

**1.** Ngày 12/3/2022, T cho anh Bùi Văn T1 (sinh năm: 1990, trú tại: thôn 4, xã T, huyện H, Quảng Ninh) vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn 30 ngày với mức lãi suất 5.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày. T hưởng 1.500.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay mà T đã thu lợi bất chính là 1.335.616 đồng.

**2.** Ngày 15/3/2022, T cho anh Phạm Văn K (sinh năm 1985, trú tại: thôn 4, xã T, huyện H) vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn 10 ngày với mức lãi suất 3.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày. T hưởng 600.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi vượt quá 20%/ năm của khoản tiền vay mà T đã thu lợi bất chính là 490.411 đồng.

**3.** Ngày 16/3/2022, T cho anh Đào Bảo T2 (sinh năm 1989, trú tại: thôn 2, xã T, huyện H) vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn 30 ngày với mức lãi suất 3.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày. T hưởng 900.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi vượt quá 20%/ năm của khoản tiền vay mà T đã thu lợi bất chính là 735.616 đồng.

**4.** Anh Nguyễn Thành H (sinh năm 1984, trú tại: thôn 2, xã T, huyện H) vay tiền 02 (hai) lần, cụ thể:

- Lần thứ nhất: vào ngày 20/3/2022, T cho anh H vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn 30 ngày với mức lãi suất 5.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày. T hưởng 1.500.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi vượt quá 20%/ năm của khoản tiền vay mà T đã thu lợi bất chính là 1.335.616 đồng.

- Lần thứ hai: vào ngày 20/9/2022, T cho anh H vay số tiền 20.000.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày với mức lãi suất 3.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày. T hưởng 1.800.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi vượt quá 20%/ năm của khoản tiền vay mà T đã thu lợi bất chính là 1.471.233 đồng.

**5.** Anh Mạc Đức Q (sinh năm 1988, trú tại: thôn 2, xã T, huyện H) vay tiền 03 (ba) lần, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: vào ngày 15/5/2022, T cho anh Q vay số tiền 30.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày với mức lãi suất 3.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày. T hưởng 2.700.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi vượt quá 20%/ năm của khoản tiền vay mà T đã thu lợi bất chính là 2.206.849 đồng.

- Lần thứ hai: vào ngày 26/6/2022, T cho anh Q vay số tiền 30.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày với mức lãi suất 3.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày. T

hưởng 2.700.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi vượt quá 20%/ năm của khoản tiền vay mà T đã thu lợi bất chính là 2.206.849 đồng.

- Lần thứ ba: vào ngày 12/8/2022, T cho anh Q vay số tiền 30.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày với mức lãi suất 3.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày. T hưởng 2.700.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi vượt quá 20%/ năm của khoản tiền vay mà T đã thu lợi bất chính là 2.206.849 đồng.

**6.** Ngày 05/6/2022, T cho anh Đỗ Văn H1 (sinh năm 1995, trú tại: thôn 6, xã T, huyện H) vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày với mức lãi suất 5.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày. T hưởng 1.500.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi vượt quá 20%/ năm của khoản tiền vay mà T đã thu lợi bất chính là 1.335.616 đồng.

**7.** Ngày 13/7/2022, T cho anh Mạc Giang T3 (sinh năm 1983, trú tại: thôn 1, xã T, huyện H) vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày với mức lãi suất 5.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày. T hưởng 750.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi vượt quá 20%/ năm của khoản tiền vay mà T đã thu lợi bất chính là 667.808 đồng.

**8.** Ngày 23/7/2022, T cho chị Mạc Thị T4 (sinh năm 1985, trú tại: thôn 4, xã T, huyện H) vay số tiền 20.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày với mức lãi suất 5.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày. T hưởng 3.000.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi vượt quá 20%/ năm của khoản tiền vay mà T đã thu lợi bất chính là 2.671.233 đồng.

**9.** Ngày 01/8/2022, T cho anh Đỗ Văn H2 (sinh năm 1983, trú tại: thôn 6, xã T, huyện H) vay T số tiền 10.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày với mức lãi suất 5.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày. T hưởng 1.500.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi vượt quá 20%/ năm của khoản tiền vay mà T đã thu lợi bất chính là 1.335.616 đồng.

**10.** T cho anh Nguyễn Văn T5 (sinh năm 1987, trú tại: thôn 2, xã T, huyện H) vay tiền thu lãi nặng 02 (hai) lần, cụ thể:

- Lần thứ nhất: vào ngày 05/8/2022, T cho anh T5 vay số tiền 30.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày với mức lãi suất 5.000 đồng /01 triệu/ 01 ngày. T hưởng 4.500.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi vượt quá 20%/ năm của khoản tiền vay mà T đã thu lợi bất chính là 4.006.849 đồng.

- Lần thứ hai: vào ngày 15/9/2022, T cho anh T5 vay số tiền 40.000.000 đồng trong thời hạn 15 ngày với mức lãi suất 5.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày. T hưởng 3.000.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi vượt quá 20%/ năm của khoản tiền vay mà T đã thu lợi bất chính là 2.671.233 đồng.

**11.** Ngày 10/8/2022, T cho anh Mạc Văn L (sinh năm 1988, trú tại: thôn 2, xã T, huyện H) vay số tiền 30.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày với mức lãi suất 5.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày. T hưởng 4.500.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi

vượt quá 20%/ năm của khoản tiền vay mà T đã thu lợi bất chính là 4.006.849 đồng.

**12.** Ngày 10/8/2022, T cho anh Triệu Văn H3 (sinh năm: 1983, trú tại: thôn 4, xã T, huyện H) vay số tiền 15.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày với mức lãi suất 5.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày. T hưởng 2.250.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi vượt quá 20%/ năm của khoản tiền vay mà T đã thu lợi bất chính là 2.003.425 đồng.

**13.** Ngày 30/8/2022, T cho anh Mạc Tuấn N (sinh năm 1982, trú tại: thôn 4, xã T, huyện H) vay T số tiền 10.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày với mức lãi suất 5.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày. T hưởng 1.500.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi vượt quá 20%/ năm của khoản tiền vay mà T đã thu lợi bất chính là 1.335.616 đồng.

**14.** Ngày 08/9/2022, T cho chị Phạm Thị Hồng N1 (sinh năm 1992, trú tại: thôn 2, xã T, huyện H) vay T số tiền 30.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày với mức lãi suất 4.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày. T hưởng 3.600.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi vượt quá 20%/ năm của khoản tiền vay mà T đã thu lợi bất chính là 3.106.849 đồng.

**15.** Anh Nguyễn Tự H4 (sinh năm 1981, trú tại: thôn 2, xã T, huyện H) vay tiền 02 lần, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: vào ngày 15/9/2022, T cho anh H4 vay 20.000.000 đồng thời hạn 10 ngày với mức lãi suất 3.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày. T hưởng 600.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi vượt quá 20%/ năm của khoản tiền vay mà T đã thu lợi bất chính là 490.411 đồng.

- Lần thứ hai vào ngày 12/10/2022, T cho anh H4 vay số tiền 20.000.000 đồng thời hạn 10 ngày với mức lãi suất 3.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày. T hưởng 600.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi vượt quá 20%/ năm của khoản tiền vay mà T đã thu lợi bất chính là 490.411 đồng.

**16.** Ngày 25/9/2022, T cho anh Nguyễn Văn H5 (sinh năm 1996, trú tại: thôn 2, xã T, huyện H) vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày với mức lãi suất 5.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày. T hưởng 1.500.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi vượt quá 20%/ năm của khoản tiền vay mà T đã thu lợi bất chính là 1.335.616 đồng.

**17.** Ngày 20/3/2022, T cho anh Bùi Hùng D (sinh năm 1982, trú tại: thôn 4, xã T, huyện H) vay số tiền 20.000.000đồng trong thời hạn 90 ngày với mức lãi suất 3.000đ/01 triệu/01 ngày. T hưởng 5.400.000đ tiền lãi, tiền lãi vượt quá 20%/ năm của khoản tiền vay mà T đã thu lợi bất chính là 4.413.699 đồng.

**18.** Ngày 05/3/2022, T cho anh Nguyễn Đình N2 (sinh năm 1992, trú tại Bản M, xã S, huyện H, tỉnh Quảng Ninh) vay số tiền 10.000.000đồng trong thời hạn 30 ngày với mức lãi suất 5.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày. T hưởng 1.500.000

đồng tiền lãi. Tiền lãi vượt quá 20%/ năm của khoản tiền vay mà T đã thu lợi bất chính là 1.335.616 đồng.

T đã nhận đủ số tiền gốc và tiền lãi như thỏa thuận với những người vay tiền nói trên. Tổng số tiền T cho 18 người vay là 440.000.000 đồng, nhưng thực tế tổng số tiền gốc Trương Minh T quay vòng sử dụng vào việc cho vay lãi nặng là 135.000.000đ. Số tiền lãi T được hưởng là 50.100.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi suất vượt quá 20%/ năm của khoản tiền vay mà T đã thu lợi bất chính là 43.195.890 đồng. Số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 6.904.110 đồng.

Ngày 16/11/2022, anh Mạc Văn L đã tố giác hành vi cho vay lãi nặng của T. Cùng ngày, Trương Minh T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh đầu thú, đồng thời giao nộp số tiền 7.000.000 đồng là một phần số tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng.

Về vật chứng: số tiền 7.000.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện H theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trương Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Bị cáo khẳng định số tiền sử dụng để cho 18 người vay lãi nặng trong thời gian từ tháng 3/2022 đến tháng 10/2022 là 135.000.000đ, đồng thời toàn bộ số tiền gốc và lãi thu được từ việc cho vay bị cáo đã sử dụng để kinh doanh nhưng bị thua lỗ và chi tiêu cá nhân hết; Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát và thừa nhận việc truy tố đối với bị cáo về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 1 điều 201 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không bị oan. Nói lời sau cùng, bị cáo ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, quá trình điều tra đã có lời khai thể hiện rõ quan điểm, cụ thể các anh, chị: Bùi Văn T1, Phạm Văn K, Đào Bảo T2, Nguyễn Thành H, Mạc Đức Q, Đỗ Văn H1, Mạc Giang T3, Mạc Thị T4, Đỗ Văn H2, Nguyễn Văn T5, Mạc Văn L, Triệu Văn H3, Mạc Tuấn N, Phạm Thị Hồng N1, Nguyễn Tự H4, Nguyễn Văn H5, Bùi Hùng D đều có quan điểm: đề nghị Cơ quan Công an điều tra làm rõ sự việc và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Đối với số tiền lãi T thu lợi bất chính, các anh, chị không yêu cầu T trả lại số tiền này.

Anh Nguyễn Đình N2 đề nghị Cơ quan Công an điều tra làm rõ sự việc và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Đối với số tiền lãi T thu lợi bất chính của anh, anh yêu cầu anh T hoàn trả số tiền lãi của khoản vay, bị cáo Trương Minh T đã hoàn trả đủ cho anh Nguyễn Đình N2, anh N2 không có yêu cầu gì khác.

Với nội dung trên tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKSHH ngày 03/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Trương Minh T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 201; Điều 36, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Minh T từ 06 tháng đến 09 cải tạo không giam giữ. Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Truy thu của bị cáo tổng số tiền là: 141.904.110đ, bao gồm khoản tiền 135.000.000đ là tiền bị cáo dùng để cho vay và khoản tiền 6.904.110 đồng là tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu được của người vay, được trừ đi số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng) bị cáo đã giao nộp tại Cơ quan điều tra. Bị cáo Trương Minh T phải nộp tiếp 134.904.110đ (một trăm ba mươi tư triệu chín trăm linh bốn nghìn một trăm mười đồng).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung đã khai nhận tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo thừa nhận: những lời khai tại cơ quan điều tra là tự nguyện, đúng sự thật, không bị ép cung, mớm cung hoặc nhục hình; kết hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được làm rõ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy đủ căn cứ để kết luận bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Từ tháng 3/2022 đến tháng 10/2022, tại nhà ở thuộc thôn 5, xã T, huyện H, Trương Minh T đã cho các anh, chị Bùi Văn T1, Phạm Văn K, Đào Bảo T2, Nguyễn Thành H, Mạc Đức Q, Đỗ Văn H1, Mạc Giang T3, Mạc Thị T4, Đỗ Văn H2, Nguyễn Văn T5, Mạc Văn L, Triệu Văn H3, Mạc Tuấn N, Phạm Thị Hồng N1, Nguyễn Tự H4, Nguyễn Văn H5, Bùi Hùng D, Nguyễn Đình N2 vay

tổng số tiền 440.000.000 đồng, với mức lãi suất từ 109,5%, 146% đến 182,5%/năm, gấp mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự từ 5,475 lần đến 9,125 lần, thu lợi bất chính số tiền 43.195.890 đồng.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” thuộc trường hợp “cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa có tiền án tiền sự; tình tiết tăng nặng: không có; Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Trương Minh T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã đầu thú, hoàn trả tiền cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu và tự nguyện nộp một phần tiền thu lợi bất chính nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến hoạt động cho vay trong giao dịch dân sự được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo đã lợi dụng hoàn cảnh khó khăn về kinh tế của người khác để cho vay tiền thu lãi cao trái pháp luật nhằm mục đích trục lợi. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong khoảng thời gian dài và đối với nhiều người, số tiền thu lời bất chính mặc dù không lớn nhưng đã làm ảnh hưởng xấu tới trật tự trị an tại địa phương, gây ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng chống tệ nạn xã hội. Do vậy cần thiết phải xử lý nghiêm đối với bị cáo để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đồng thời xét hoàn cảnh gia đình bị cáo cả hai vợ chồng đều không có công việc, thu nhập ổn định, còn nuôi bố mẹ già và hai con nhỏ, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 201, Điều 36 Bộ luật Hình sự để áp dụng hình phạt chính là cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Trương Minh T cũng đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: do bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, số tiền gốc và lãi thu được từ việc cho vay lãi nặng bị cáo đã đầu tư kinh doanh và thua lỗ hết nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Trương Minh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự:



Căn cứ vào lời khai của bị cáo và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù khoản tiền bị cáo cho 18 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vay là 440.000.000đ, nhưng thực tế số tiền gốc Trương Minh T quay vòng sử dụng vào việc cho vay lãi nặng là 135.000.000đ. Số tiền lãi T được hưởng là 50.100.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi suất vượt quá 20%/ năm của khoản tiền vay mà T đã thu lợi bất chính là 43.195.890đồng. Số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 6.904.110 đồng.

Trương Minh T cho vay với mức lãi suất vượt quá mức quy định của pháp luật để thu lợi bất chính số tiền 43.195.890 đồng, là khoản tiền bị cáo chiếm đoạt bất hợp pháp, nên cần buộc bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả số tiền này cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Bị Trương Minh T đã hoàn trả đủ số tiền lãi của khoản vay cho anh Nguyễn Đình N2. Các anh, chị Bùi Văn T1, Phạm Văn K, Đào Bảo T2, Nguyễn Thành H, Mạc Đức Q, Đỗ Văn H1, Mạc Giang T3, Mạc Thị T4, Đỗ Văn H2, Nguyễn Văn T5, Mạc Văn L, Triệu Văn H3, Mạc Tuấn N, Phạm Thị Hồng N1, Nguyễn Tụ H4, Nguyễn Văn H5, Bùi Hùng D không yêu cầu bị cáo T hoàn trả lại số tiền đã thu lợi bất chính này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với số tiền 135.000.000đ là tiền bị cáo sử dụng để cho vay và 6.904.110 đồng là khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà Trương Minh T đã thu của người vay. Tổng số tiền bị cáo bị truy thu là: 141.904.110đ. Tuy nhiên, quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền 7.000.000đ. Do đó bị cáo phải nộp tiếp 134.904.110đ (một trăm ba mươi tư triệu chín trăm linh bốn nghìn một trăm mười đồng).

[6] Về án phí: Bị cáo Trương Minh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 điều 201; Điều 36, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

Bị cáo Trương Minh T phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

Xử phạt bị cáo Trương Minh T 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ; thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám

sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời hạn cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Áp dụng Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Hủy Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 64/2022/LC-CQCSĐT và Quyết định tạm hoãn xuất cảnh số 65/QĐ-CQCSĐT đều cùng ngày 26/11/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đối với bị cáo Trương Minh T.

2. Về biện pháp tư pháp: áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Truy thu nộp ngân sách Nhà nước của bị cáo Trương Minh T tổng số tiền 141.904.110đ (một trăm bốn mươi một triệu chín trăm linh tư nghìn một trăm mười đồng), được trừ đi số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng) bị cáo đã giao nộp hiện đang lưu giữ tại tài khoản số 3949.0.1049416.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tại Kho bạc Nhà nước huyện H, theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 10/CCTHADS ngày 05/01/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H với Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Bị cáo Trương Minh T phải nộp tiếp 134.904.110đ (một trăm ba mươi tư triệu chín trăm linh bốn nghìn một trăm mười đồng).

3. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Trương Minh T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: áp dụng khoản 1, 4 Điều 331; khoản 1, 3 Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Bị cáo có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi thường trú.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND huyện H;
- Đội hồ sơ nghiệp vụ CA huyện H;
- Cơ quan quản lý TG, TG CA huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- THA, Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nông Thúy Chính**